

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1397/2022/ HNGĐ-ST

Ngày 19-12-2022

V/v Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; tranh chấp hợp đồng vay tài sản; yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe vô hiệu.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Hòa.

2. Ông Nguyễn Văn Sỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Trọng Hiền là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 19 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; tranh chấp hợp đồng vay tài sản; yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, cư trú tại: Đường L, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, cư trú tại: Lô K, đường L, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (hoặc số nhà M, đường T, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định). Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Thành C, cư trú tại: Số nhà M, đường T, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định. Có mặt.

3.2. Bà Huỳnh Thị H, cư trú tại: Số nhà M, đường T, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định. Có mặt.

3.3. Anh Huỳnh Văn K, cư trú tại: Số nhà N, đường V, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định. Có mặt.

3.4. Chị Nguyễn Thị Thu P, cư trú tại: Số nhà N, đường V, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 11 năm 2021, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T đã chính thức ly hôn theo Bản án số 1085/2019/HNGĐ-ST ngày 19-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã có hiệu lực pháp luật. Theo bản án này, chị được trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Hoài Bảo N (sinh ngày 01-12-2009) và Nguyễn Hoài Bảo N1 (sinh ngày 25-3-2012), không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, do chị không yêu cầu nên Tòa án chưa giải quyết. Sau khi ly hôn, 02 con chung ở với chị, anh T không quan tâm, cấp dưỡng nuôi con. Nay chị yêu cầu anh T cấp dưỡng một lần nuôi 02 con chung với mức 1.500.000 đồng/tháng/cháu, tổng cộng là 235.500.000 đồng. Chị không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc thay đổi người nuôi con vì các con đang ở với chị ổn định và được chăm sóc, học hành chu đáo. Hiện tại, chị đang kinh doanh Studio chuyên trang điểm cô dâu và cho thuê đồ cưới, thu nhập trung bình 30.000.000 đồng/tháng.

Trong thời gian còn chung sống, vợ chồng chị có tạo lập được một số tài sản chung. Nay chị yêu cầu chia tài sản chung và thống nhất với anh T về việc phân chia cụ thể như sau:

- Chị đồng ý giao nhà, đất thuộc lô K, tọa lạc tại khu QH Đ, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định cho anh T được quyền sở hữu, sử dụng. Anh T có nghĩa vụ bồi lại cho chị ½ giá trị theo định giá là 1.801.909.500 đồng.

- Chị đồng ý giao lại cho anh T bản gốc Sổ cổ phần và được quyền sở hữu 8.100 cổ phần P. Anh T có nghĩa vụ bồi lại cho chị ½ giá trị theo giá 10.000 đồng/cổ phần là 40.500.000 đồng.

- Chị đồng ý giao xe ô-tô biển kiểm soát 77A-X cho anh T được quyền sở hữu. Anh T có nghĩa vụ bồi lại cho chị ½ giá trị xe theo định giá là 130.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị không yêu cầu chia tài sản chung nào khác. Chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng mua bán xe ngày 01-6-2018 giữa anh T và ông Nguyễn Thành C.

Khi còn là vợ chồng, chị và anh T có vay tiền của Ngân hàng V để xây nhà ở. Đến nay, anh T đã trả xong tiền gốc là 1.700.000.000 đồng và tiền lãi là 279.950.974 đồng. Chị đồng ý thanh toán lại cho anh T $\frac{1}{2}$ số tiền vay gốc và lãi nêu trên là 989.975.487 đồng. Đối với khoản nợ ngày 29-8-2011 mà anh T mượn cha, mẹ ruột là ông Nguyễn Thành C, bà Huỳnh Thị H với số tiền 615.000.000 đồng, nói là mượn tiền để mua đất đầu giá nhưng chị không biết, không ký Giấy mượn nợ, hơn nữa tiền mua đất là tiền của vợ chồng chị dành giùm mà có, nên chị không đồng ý trả khoản nợ này cùng với anh T.

* Tại Bản khai đề ngày 13 tháng 6 năm 2022, Đơn phản tố đề ngày 12 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Trước đây, anh và chị Nguyễn Thị C đã được Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử cho ly hôn theo Bản án số 1085/2019/HNGĐ-ST ngày 19-11-2019 đã có hiệu lực pháp luật. Theo bản án này, chị C được trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Hoài Bảo N và Nguyễn Hoài Bảo N1; chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung nên Tòa án chưa giải quyết. Chị C đã có chồng là người nước ngoài, các con của anh đều là con gái, nếu ở chung với cha dượng thì không được tốt lắm, nên anh yêu cầu thay đổi người nuôi con để cho anh được nuôi cháu Nguyễn Hoài Bảo N và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Anh thống nhất với mức cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng theo yêu cầu của chị C nhưng không chấp nhận cấp dưỡng một lần. Hiện tại, anh làm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần P, thu nhập trung bình 10.500.000 đồng/tháng.

Đối với việc phân chia tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, anh có ý kiến như sau:

- Về nhà, đất thuộc lô K, tọa lạc tại khu QH Đ, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, anh xin nhận nhà, đất và thối lại cho chị C $\frac{1}{2}$ giá trị theo định giá của Tòa là 1.801.909.500 đồng.

- Về xe ô-tô biển kiểm soát 77A-X, anh đã bán xe cho cha anh là ông Nguyễn Thành C với giá tiền là 300.000.000 đồng, có lập Hợp đồng mua bán xe ngày 01-6-2018, đã giao xe và nhận tiền đầy đủ, nhưng chưa làm thủ tục công chứng, sang tên trước bạ. Anh đồng ý thối lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe ô-tô cho chị C nhận 130.000.000 đồng còn xe ô-tô vẫn giao cho cha anh được quyền sở hữu, sử dụng.

- Về 8.100 cổ phần P, anh đồng ý nhận lại bản gốc Sổ cổ phần do chị C giao lại và sở hữu số cổ phần này, anh sẽ thối lại $\frac{1}{2}$ giá trị cho chị C theo giá 10.000 đồng/cổ phần là 40.500.000 đồng.

Ngoài ra, anh không yêu cầu chia tài sản chung nào khác. Về nợ chung thì có 02 khoản nợ, cụ thể:

- Ngày 29-8-2011, anh có mượn cha, mẹ của anh là ông Nguyễn Thành C, bà Huỳnh Thị H số tiền 615.000.000 đồng tại nhà riêng của cha, mẹ anh ở thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định. Anh là người trực tiếp nhận tiền, lúc đó có mặt cha, mẹ anh nhưng không có mặt chị C. Anh và cha anh cùng trực tiếp ký Giấy mượn nợ ngày 29-8-2011. Mục đích cho mượn tiền để mua đất giá lô đất K, đường L, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định và anh trực tiếp đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh xác định đây là nợ chung của anh và chị C trong thời kỳ hôn nhân. Lý do chị C không ký vào Giấy mượn nợ ngày 29-8-2011 là vì vào thời điểm này anh mượn tiền nhưng không nói cho chị C biết, anh mua đất và đứng tên riêng. Ngôi nhà do vợ chồng anh vay tiền ngân hàng để xây dựng. Nay chị C nói nhà, đất là tài sản chung thì khoản nợ trên cũng là nợ chung; anh và chị C phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho cha, mẹ anh tiền gốc 615.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật (lãi suất 10%/năm) từ ngày cho mượn tiền 29-8-2011 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Nợ vay Ngân hàng V theo Hợp đồng cho vay số 380/2018-HĐCV/NHCT540-VB ngày 19-10-2018 với số tiền vay 1.700.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, đã đáo hạn ký lại hợp đồng vay 02 lần: Hợp đồng cho vay số 403/2019-HĐCV/NHCT540-VB ngày 22-10-2019 và Hợp đồng cho vay số 377/2020-HĐCV/NHCT540-VB ngày 23-10-2020 với số tiền vay 1.700.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, ngày đáo hạn 23-10-2021. Anh đã vay mượn tiền bên ngoài và tất toán xong khoản nợ vay này với số tiền gốc 1.700.000.000 đồng và tiền lãi từ sau khi ly hôn tháng 11-2019 đến tháng 11-2021 là 279.950.974 đồng, tổng cộng là 1.979.950.974 đồng. Anh yêu cầu chị C phải chịu $\frac{1}{2}$ để thanh toán lại cho anh số tiền 989.975.487 đồng.

Ngoài ra, anh có mượn tiền của vợ chồng anh Huỳnh Văn K, chị Nguyễn Thị Thu P 02 lần, anh K có viết 02 giấy mượn tiền và cùng ký tên, cụ thể: Ngày 21-10-2021 với số tiền 700.000.000 đồng và ngày 22-10-2021 với số tiền 1.000.000.000 đồng; mục đích mượn tiền để đáo hạn khoản nợ vay 1.700.000.000 đồng của Ngân hàng V nêu trên; anh có hẹn sẽ trả trong vòng 02 ngày sau khi đáo hạn ngân hàng (23-10-2021), nhưng đến nay chưa trả. Khoản nợ này phát sinh sau hôn nhân nên anh xin chịu trách nhiệm trả nợ cho anh K, chị P.

* Tại Bản khai đề ngày 22 tháng 6 năm 2022, Đơn yêu cầu độc lập đề ngày 29 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành C trình bày:

Anh Nguyễn Văn T là con trai ruột của ông và bà Huỳnh Thị H. Chị Nguyễn Thị C trước đây là vợ của anh T nhưng cả hai đã ly hôn từ năm 2019. Ngày 29-8-2011, vợ chồng ông có cho anh T mượn số tiền 615.000.000 đồng tại nhà riêng của vợ chồng ông ở thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định. Ông là người

trực tiếp giao tiền cho anh T, lúc đó có mặt bà H nhưng không có mặt chị C. Ông và anh T cùng trực tiếp ký Giấy mượn nợ ngày 29-8-2011. Mục đích cho mượn tiền là để tạo điều kiện cho con ông dùng số tiền này để mua đất giá lô đất K, đường L, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Đến nay, anh T, chị C chưa trả cho vợ chồng ông số tiền này. Lý do chị C không ký vào Giấy mượn nợ ngày 29-8-2011 là vì vào thời điểm này giữa anh T và chị C đã nảy sinh một số mâu thuẫn, nếu chị C đứng ra mượn tiền thì vợ chồng ông đã không cho mượn tiền. Vợ chồng ông chỉ cho anh T mượn tiền và đứng tên riêng lô đất. Nay ông yêu cầu anh T, chị C phải trả lại cho vợ chồng tôi số tiền đã mượn là 615.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật (lãi suất 10%/năm) từ ngày cho mượn tiền 29-8-2011 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với xe ô-tô biển kiểm soát 77A-X, do chị C dồn ép buộc anh T phải bán xe để đưa tiền cho chị C mở tiệm cho thuê đồ cưới nên anh T mới bán xe ô-tô này cho ông theo Hợp đồng mua bán xe ngày 01-6-2018 với giá tiền 300.000.000 đồng và anh T đã đưa số tiền này cho chị C. Việc mua bán xe ô-tô chưa qua công chứng và chưa đăng ký sang tên trước bạ. Ông đã giao tiền mua xe đầy đủ nên việc chia số tiền đó như thế nào là chuyện giữa chị C và anh T. Ngoài ra, không còn có vấn đề gì trong vụ án này liên quan đến vợ chồng ông.

* Tại Bản khai đề ngày 12 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H trình bày: Bà thống nhất như lời khai và yêu cầu của chồng bà là ông Nguyễn Thành C.

* Tại Bản khai đề ngày 15 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn K trình bày: Anh Nguyễn Văn T có mượn tiền của vợ chồng anh 02 lần. Anh có viết 02 Giấy mượn tiền và hai bên cùng ký tên, cụ thể: Ngày 21-10-2021 với số tiền 700.000.000 đồng và ngày 22-10-2021 với số tiền 1.000.000.000 đồng; mục đích mượn tiền để anh T đáo hạn khoản nợ vay 1.700.000.000 đồng của Ngân hàng V; anh T hẹn sẽ trả trong vòng 02 ngày sau khi đáo hạn ngân hàng (23-10-2021), nhưng đến nay chưa trả. Trước đây, anh có yêu cầu anh T, chị C trả cho vợ chồng anh khoản nợ trên đồng thời tính lãi chậm trả từ ngày mượn tiền đến khi trả hết nợ và anh có làm Đơn yêu cầu độc lập. Sau đó, Tòa án có gửi cho anh Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng vì số tiền tạm ứng án phí lớn nên anh đã không nộp và Tòa án đã có Thông báo trả lại đơn yêu cầu độc lập cho anh. Nay anh T đã chấp nhận trả nợ cho vợ chồng anh nên khi nào có tranh chấp thì anh sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Ngoài ra, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* Tại Bản khai đề ngày 15 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu P trình bày: Chị thống nhất như lời khai và ý kiến của chồng chị là anh Huỳnh Văn K.

* Tại Bản khai đề ngày 15 tháng 8 năm 2022, cháu Nguyễn Hoài Bảo N trình bày: Nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ.

* Tại Bản khai đề ngày 15 tháng 8 năm 2022, cháu Nguyễn Hoài Bảo N1 trình bày: Nguyên vọng của cháu xin được ở với mẹ.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 2 Điều 27, Điều 29, Điều 33, khoản 2 Điều 37, Điều 59, khoản 2 Điều 83, khoản 2 Điều 84, các Điều 107, 110, 116, 117, 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 471, 473, 474, 476, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 2, 4 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thành C về việc yêu cầu chị C và anh T trả nợ. Bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Nguyễn Hoài Bảo N (sinh ngày 01-12-2009) và Nguyễn Hoài Bảo N1 (sinh ngày 25-3-2012) mỗi tháng là 1.500.000 đồng/cháu cho đến khi các cháu trưởng thành.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị C và anh T về chia tài sản chung gồm:

+ Anh T được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất lô H32, diện tích 86m², đất ở, tọa lạc tại khu QH mở rộng KDC Đông Điện Biên Phủ, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP330301 ngày 18-10-2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp đứng tên anh Nguyễn Văn T. Anh T có nghĩa vụ thối lại ½ giá trị nhà, đất nêu trên cho chị C số tiền là 1.801.909.500 đồng.

+ Anh T được quyền sở hữu 8.100 cổ phần tự do chuyển nhượng theo Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần của Tổng Công ty P Bình Định chứng nhận ngày 14-4-2014. Chị C phải giao lại cho anh T bản gốc Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần và anh T có nghĩa vụ thối lại cho chị C ½ giá trị là 40.500.000 đồng.

+ Xe ô-tô nhãn hiệu Mitsubishi, màu nâu, biển kiểm soát 77A-X, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô-tô số 005089 ngày 04-5-2015 của Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bình Định do anh T làm chủ sở hữu. Anh T có nghĩa

vụ thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị theo Biên bản định giá ngày 27-5-2022 cho chị C số tiền là 130.000.000 đồng.

Như vậy, anh T có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị C $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung với tổng số tiền là 1.972.409.500 đồng.

- Về nợ chung:

+ Ghi nhận sự tự nguyện của chị C và anh T về việc chị C trả lại cho anh T $\frac{1}{2}$ tiền nợ vay của Ngân hàng V mà anh T đã tắt toán khoản vay gốc là 850.000.000 đồng và lãi là 139.975.487 đồng.

+ Anh T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông C, bà H số tiền nợ gốc là 615.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 29-6-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 20.756.250 đồng. Chị C có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh T $\frac{1}{2}$ tiền gốc và lãi nêu trên là 317.878.125 đồng.

Như vậy, chị C phải thanh toán lại cho anh T $\frac{1}{2}$ số tiền nợ chung là 1.307.853.612 đồng.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe giữa anh T và ông C vô hiệu do chị C đã tự nguyện rút phần yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn và tuyên bố hợp đồng mua bán xe vô hiệu. Bị đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu thay đổi người nuôi con và giải quyết các khoản nợ vay khi chia tài sản chung. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành C yêu cầu chị C, anh T trả nợ tiền cho mượn. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý và xét xử vụ án hôn nhân gia đình về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; tranh chấp hợp đồng vay tài sản; yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe vô hiệu” theo các khoản 1, 3, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T chính thức ly hôn theo Bản án số 1085/2019/HNGĐ-ST ngày 19-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã có hiệu lực pháp luật. Theo bản án này, chị C được trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Hoài Bảo N (sinh ngày 01-12-2009) và Nguyễn Hoài Bảo N1 (sinh ngày 25-3-2012); về cầu cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, do chị C, anh T không yêu cầu nên Tòa án chưa giải quyết. Từ sau khi ly hôn, 02 con chung sống với chị C, được chị C chăm sóc, nuôi dưỡng, cho học hành đáng hoàng; về phần anh T ít quan tâm và không cấp dưỡng nuôi con. Các con chung ngày càng lớn, nhu cầu về đời sống và các chi phí cho sinh hoạt, ăn mặc, học hành đòi hỏi ngày càng nhiều, cho nên việc chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/tháng/cháu là có cơ sở, phù hợp với điều kiện và

thu nhập thực tế của các bên. Chị C yêu cầu cấp dưỡng nuôi con một lần với số tiền 235.500.000 đồng nhưng anh T không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận. Anh T yêu cầu thay đổi người nuôi con để cho anh được nuôi cháu Nguyễn Hoài Bảo N vì theo cảm nhận của anh cho rằng chị C đã có chồng là người nước ngoài, các con của anh đều là con gái, nếu ở chung với cha dượng thì không được tốt, ngoài ra không vì lý do nào khác. Nguyên vọng của cháu N, cháu N1 vì từ lâu nay chị em đã sống cùng với mẹ, tình cảm gắn bó, không thể tách rời nên vẫn mong muốn được ở với mẹ. Cho nên, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh T là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, theo các Điều 84, 110, 116, 117, 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình, anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng/cháu, kể từ tháng 12-2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và khoản nợ vay đã tắt toán cho Ngân hàng V, chị C và anh T tự nguyện thỏa thuận phân chia, xét không trái với pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với các Điều 27, 29, 33, 37, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Tòa ghi nhận. Cụ thể như sau:

[3.1] Về tài sản chung:

- Anh T được quyền sở hữu ngôi nhà N1a, 04 tầng, diện tích xây dựng 359m² gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc lô H32, diện tích 86m², loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khu QH mở rộng KDC Đông Điện Biên Phủ, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 330301 (sổ vào sổ cấp GCN: CS01628) ngày 18-10-2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp đứng tên anh Nguyễn Văn T. Anh T có nghĩa vụ thối lại cho chị C ½ giá trị nhà, đất nêu trên theo định giá với số tiền là 1.801.909.500 đồng.

- Anh T được quyền sở hữu 8.100 cổ phần tự do chuyển nhượng của Tổng Công ty P Bình Định - Công ty Cổ phần và có nghĩa vụ thối lại cho chị C ½ giá trị số cổ phần nêu trên theo giá 10.000 đồng/cổ phần tương ứng với số tiền là 40.500.000 đồng. Chị C có nghĩa vụ giao lại cho anh T bản gốc Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần của Tổng Công ty P Bình Định - Công ty Cổ phần chứng nhận ngày 14-4-2014.

- Đối với xe ô-tô nhãn hiệu Mitsubishi, màu nâu, biển kiểm soát 77A-X, theo giấy Chứng nhận đăng ký xe ô-tô số 0Y ngày 13-4-2016 của Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bình Định cấp đứng tên anh Nguyễn Văn T, giữa anh T và ông Nguyễn Thành C có xác lập với nhau Hợp đồng mua bán xe ngày 01-6-2018, anh T đã nhận tiền và giao xe cho ông C nhưng chưa hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu xe ô-tô theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C có yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng mua bán xe này để giao lại xe phân chia tài sản chung. Tại phiên tòa, các bên thống nhất cho anh T được quyền sở hữu xe và có nghĩa vụ thối lại cho chị C ½ giá trị xe theo định giá với số tiền là 130.000.000 đồng; chị C cũng tự nguyện rút lại

yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng mua bán xe. Cho nên, Tòa án đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện mà chị C đã rút theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự và công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên nêu trên.

Anh T có ý kiến giao xe cho ông C được quyền sở hữu, xét đây là nghĩa vụ của bên B (ông C) theo Hợp đồng mua bán xe ngày 01-6-2018 là phải thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu xe tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các bên có nghĩa vụ tự thực hiện nên Tòa không xem xét. Ngoài ra, các bên thống nhất không yêu cầu phân chia tài sản chung nào khác nên Tòa cũng không xem xét.

[3.2] Khoản nợ vay Ngân hàng V để xây nhà ở, sau khi ly hôn, anh T đã trả xong tiền gốc 1.700.000.000 đồng, tiền lãi 279.950.974 đồng. Theo thỏa thuận, chị C có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh T $\frac{1}{2}$ gốc và lãi nêu trên với số tiền là 989.975.487 đồng.

[4] Ông Nguyễn Thành C, bà Huỳnh Thị H nại có cho anh T mượn riêng số tiền 615.000.000 đồng để mua đấu giá đất lô H32, khu QH mở rộng KDC Đông Điện Biên Phủ. Ông C và anh T có xác lập Giấy mượn nợ ngày 29-8-2011, không có chữ ký của chị C. Xét đây là khoản tiền vay mượn riêng giữa anh T với cha, mẹ ruột là ông C, bà H theo như hai bên thừa nhận; chị C không biết và không sử dụng khoản tiền này để mua đấu giá đất mà theo chị C tiền mua đất đấu giá là tiền của vợ chồng chị dành giùm được vào thời điểm năm 2012; anh T không chứng minh được số tiền anh mượn nêu trên có thật sự được dùng để chi trả cho lô đất trúng đấu giá hay không; giả sử nếu anh T có dùng số tiền đó để mua đất đấu giá thì anh T cũng đã tự nguyện sát nhập tài sản riêng của mình vào khối tài sản chung của vợ chồng; cho nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông C, bà H, anh T buộc chị C phải chịu $\frac{1}{2}$ khoản nợ này. Theo quy định tại các Điều 471, 474, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005, anh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông C, bà H số tiền nợ gốc 615.000.000 đồng và lãi chậm trả tính từ ngày đòi nợ là ngày ông C có Đơn yêu cầu độc lập ngày 29-6-2022, vì đây là khoản vay mượn không có kỳ hạn và không có lãi. Về lãi suất chậm trả theo hướng dẫn tại các Điều 2, 4 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, áp dụng lãi suất cơ bản là 9%/năm quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền lãi chậm trả là: 615.000.000 đồng x (9%/năm : 365 ngày) x 173 ngày = 26.234.383 đồng. Tổng cộng số tiền anh T phải trả cho ông C, bà H là 641.234.383 đồng.

[5] Ngày 05-8-2022, anh Huỳnh Văn K có Đơn yêu cầu độc lập về việc yêu cầu anh T, chị C thanh toán khoản vay mượn gốc 1.700.000.000 đồng và lãi 120.000.000 đồng. Tòa án đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 79/TB-TA ngày 15-8-2022 và tổng đạt hợp lệ cho anh K. Tuy nhiên, trong thời hạn luật định, anh K đã không nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo nêu trên, nên Tòa

án đã ra Thông báo trả lại đơn yêu cầu độc lập số 82/TB-TA ngày 25-8-2022 cho anh K. Theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh K đã không thực hiện thủ tục yêu cầu độc lập theo đúng quy định nên không có cơ sở để Tòa thụ lý, giải quyết yêu cầu của anh K. Trường hợp này nếu có tranh chấp thì tách ra giải quyết thành vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[6] Về chi phí định giá tài sản, chị C đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị C và anh T mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$, nên anh T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị C số tiền là 1.500.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các đương sự phải chịu án phí như sau:

- Chị C phải chịu án phí về chia tài sản chung là 71.172.285 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Anh T phải chịu án phí về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là 300.000 đồng, án phí về chia tài sản chung là 71.172.285 đồng, án phí về thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông C, bà H là 29.649.375 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Trả lại cho chị C tiền tạm ứng án phí đã nộp do rút yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe vô hiệu.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án phù hợp một phần với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 3, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 27, 29, 33, 37, 59, 84, 110, 116, 117, 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng nuôi 02 con chung là Nguyễn Hoài Bảo N (sinh ngày 01-12-2009) và Nguyễn Hoài Bảo N1 (sinh ngày 25-3-2012), mỗi tháng là 1.500.000 đồng/cháu, kể từ tháng 12-2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

2. Không nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T về chia tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng như sau:

- Anh Nguyễn Văn T được quyền sở hữu ngôi nhà N1a, 04 tầng, diện tích xây dựng 359m² gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc lô H32, diện tích 86m², loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khu QH mở rộng KDC Đông Điện Biên Phủ, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 330301 (số vào sổ cấp GCN: CS01628) ngày 18-10-2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định. Anh T có nghĩa vụ thối lại cho chị Nguyễn Thị C ½ giá trị nhà, đất nêu trên với số tiền là 1.801.909.500 đồng.

- Anh Nguyễn Văn T được quyền sở hữu 8.100 cổ phần tự do chuyển nhượng của Tổng Công ty P Bình Định - Công ty Cổ phần và có nghĩa vụ thối lại cho chị Nguyễn Thị C ½ giá trị số cổ phần nêu trên với số tiền là 40.500.000 đồng. Chị C có nghĩa vụ giao lại cho anh T bản gốc Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần của Tổng Công ty P Bình Định - Công ty Cổ phần chứng nhận ngày 14-4-2014.

- Anh Nguyễn Văn T được quyền sở hữu xe ô-tô nhãn hiệu Mitsubishi, màu nâu, biển kiểm soát 77A-X theo giấy Chứng nhận đăng ký xe ô-tô số 0Y ngày 13-4-2016 của Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bình Định. Anh T có nghĩa vụ thối lại cho chị Nguyễn Thị C ½ giá trị xe với số tiền là 130.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh Nguyễn Văn T ½ gốc và lãi vay của Ngân hàng V mà anh T đã tắt toán, trong đó: Gốc 1.700.000.000 đồng, lãi 279.950.974 đồng, tổng cộng là 989.975.487 đồng.

4. Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán xe vô hiệu mà chị Nguyễn Thị C đã tự nguyện rút.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thành C, bà Huỳnh Thị H.

Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành C, bà Huỳnh Thị H số tiền là 641.234.383 đồng, trong đó gốc 615.000.000 đồng và lãi 26.234.383 đồng.

6. Về chi phí định giá tài sản: Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền là 1.500.000 đồng.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí về chia tài sản chung là 71.172.285 đồng, trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003115 ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Chi cục

Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, chị C còn phải nộp 48.672.285 đồng.

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là 300.000 đồng, trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004364 ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí về chia tài sản chung là 71.172.285 đồng và án phí về thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 29.649.375 đồng.

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị C tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004391 ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Trần Duyên Anh